

TRƯỜNG ĐÀO TẠO LẬP TRÌNH VIÊN VÀ QUẢN TRỊ MẠNG QUỐC TẾ BACHKHOA-APTECH

BÀI 03: ĐỊNH DẠNG VĂN BẢN

MỤC TIÊU

- Giải thích thẻ heading
- Giải thích các thẻ khác nhau liên quan đến định dạng
- Giải thích các font chữ đơn, văn bản định dạng sẵn, và thẻ khối.
- Mô tả các loại khác nhau của danh sách
- Giải thích các bước để thay đổi màu nền và hình ảnh

GIỚI THIỆU

Nội dung văn bản của trang web là một phần quan trọng của một trang web.

Văn bản phải được hấp dẫn, dễ đọc, và nên ngắn và sắc nét.

Tùy chọn định dạng văn bản như in đậm, in nghiêng, superscript, subscript, và như vậy phải được áp dụng để thu hút sự chú ý của người dùng.

Màu nền và hình ảnh của trang web có thể được xác định bằng cách sử dụng HTML.

CÁC THẺ TIÊU ĐỀ 1-2

Các phần tử heading định nghĩa tiêu đề cho nội dung cũng như văn bản và hình ảnh.

Xác định cấu trúc phân cấp của một trang web bằng cách nhóm các nội dung.

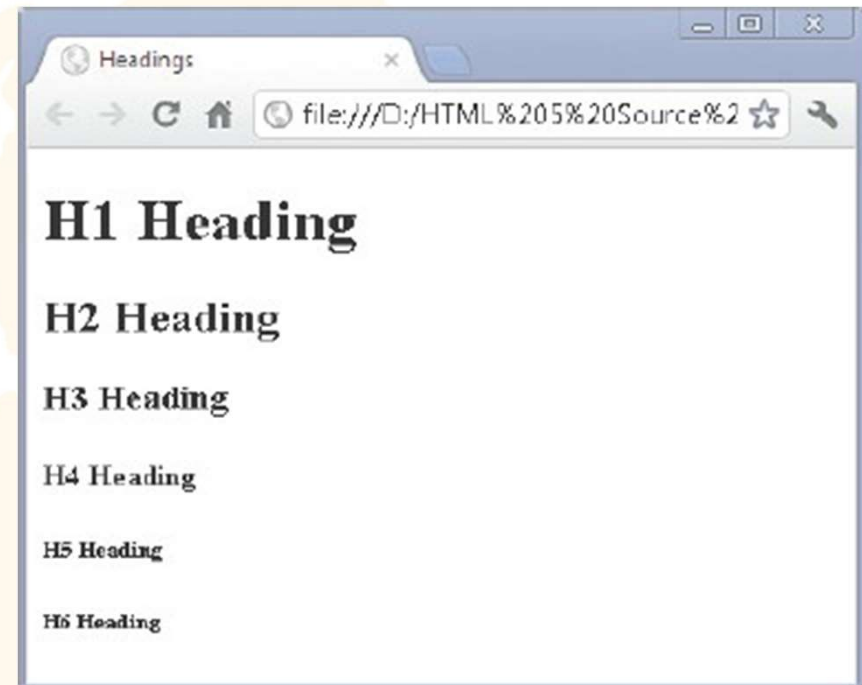
HTML xác định sáu mức độ của các nhóm khác nhau, từ H1 đến H6.

- H1 là tiêu đề cấp cao nhất và được hiển thị với kích thước font chữ lớn nhất
- H6 là tiêu đề mức thấp nhất và được hiển thị với kích thước phông chữ nhỏ nhất

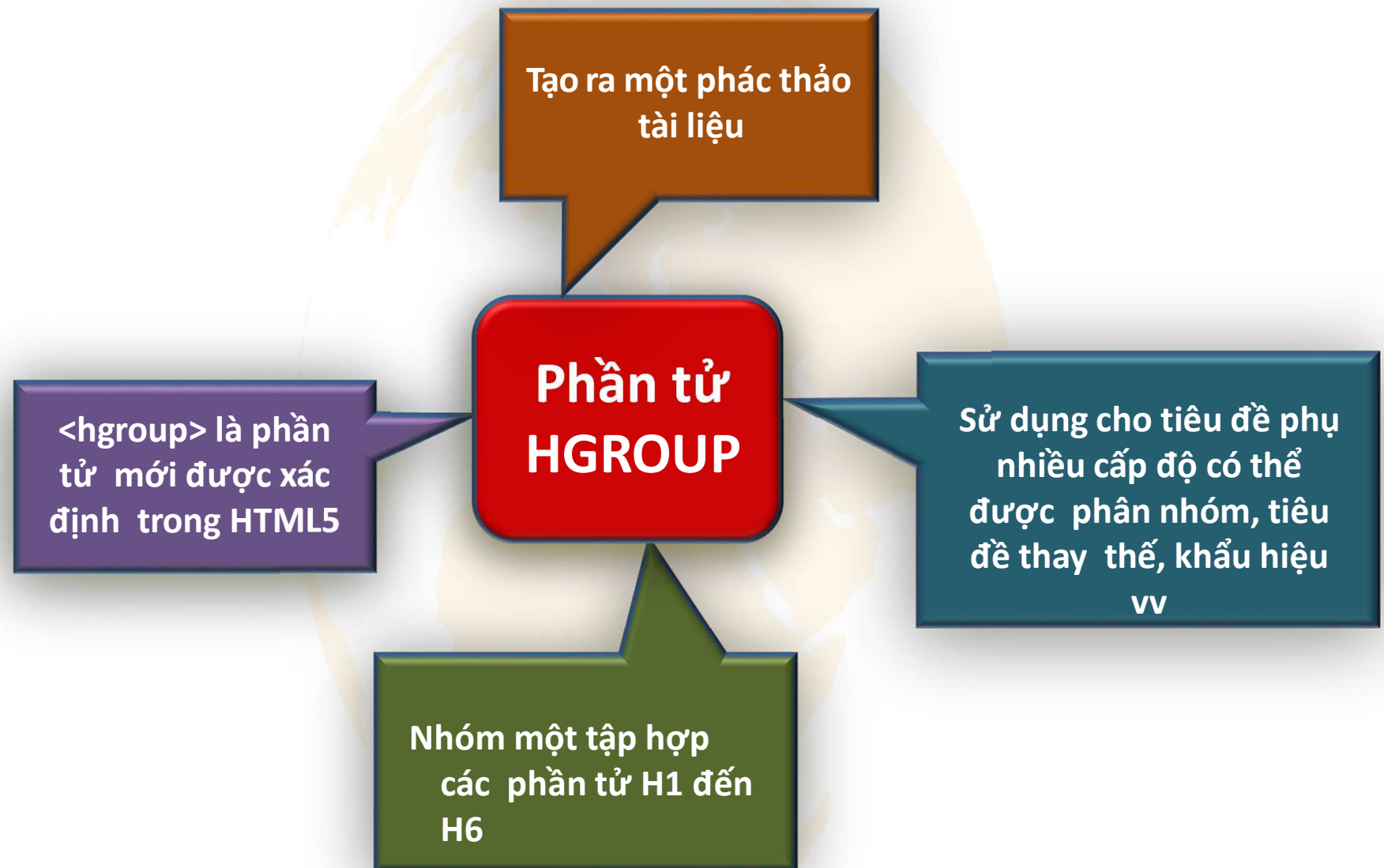
CÁC THẺ TIÊU ĐỀ 2-2

- Đoạn mã sau sẽ xác định sáu cấp độ nhóm trong một trang HTML.

```
<!DOCTYPE html>
<html>
  <head>
    <title>Headings</title>
  </head>
  <body>
    <h1>H1 Heading</h1>
    <h2>H2 Heading</h2>
    <h3>H3 Heading</h3>
    <h4>H4 Heading</h4>
    <h5>H5 Heading</h5>
    <h6>H6 Heading</h6>
  </body>
</html>
```



PHẦN TỬ HGROUP



ĐỊNH DẠNG 1-5



ĐỊNH DẠNG 2-5

- Các phần tử định dạng thường được sử dụng như sau:

Thẻ B hiển thị phần văn bản in đậm và được bao trong các `` và `</ b>` thẻ.

Thẻ i hiển thị phần văn bản in nghiêng và được bao trong các `<i>` và `</ i>` thẻ.

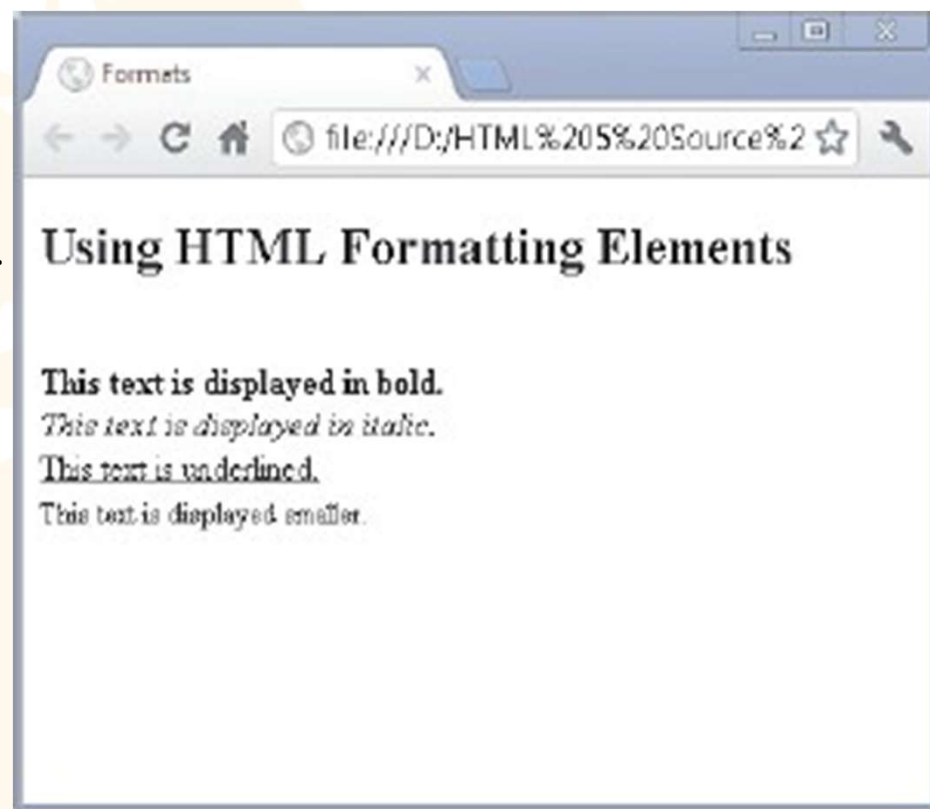
Thẻ SMALL làm cho văn bản xuất hiện nhỏ hơn trong trình duyệt và được bao trong các `<small>` và `</ small>` thẻ.

Thẻ U nhấn mạnh (gạch chân) một văn bản và được bao trong các `<u>` và `</ u>` thẻ.

ĐỊNH DẠNG 3-5

- Mã số câu liên quan chứng minh việc sử dụng các phần tử định dạng cơ bản.

```
<!DOCTYPE html>
<html>
  <head>
    <title>Formats</title>
  </head>
  <body>
    <h2>Using HTML Formatting Elements</h2><br>
    <b>This text is displayed in bold.</b><br>
    <i>This text is displayed in italic.</i><br>
    <u>This text is underlined.</u><br>
    <small>This text is displayed smaller.</small>
  </body>
</html>
```



ĐỊNH DẠNG 4-5

- Một số phần tử định dạng khác như sau:

Thẻ DEL bao quanh văn bản đã xóa và được đặt giữa và thẻ.

Thẻ INS bao quanh văn bản chèn vào và được đặt giữa <ins> và </ins> thẻ.

Thẻ STRONG nhấn mạnh (chữ đậm) các văn bản và được đặt giữa và thẻ.

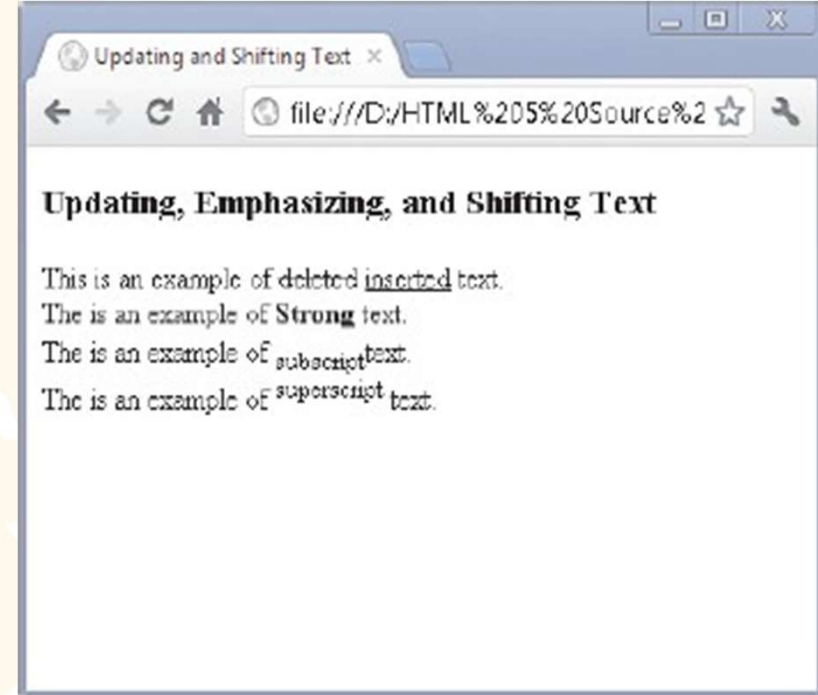
Thẻ SUB hiển thị một văn bản như chữ viết dưới và được bao trong các _{và} thẻ.

Thẻ SUP hiển thị một văn bản như chữ viết trên và được bao trong các ^{và} thẻ.

ĐỊNH DẠNG 5-5

- Đoạn mã sau chứng minh việc sử dụng các phần định dạng khác.

```
<!DOCTYPE html>
<html>
  <head>
    <title>Updating and Shifting Text</title>
  </head>
  <body>
    <h3>Updating, Emphasizing, and Shifting Text</h3>
    This is an example of <del>deleted</del> <ins>inserted
  </ins> text.<br/>
    The is an example of <strong>Strong</strong>
    text.<br/> The is an example of
    <sub>subscript</sub>text.<br/> The is an example of
    <sup>superscript</sup> text.<br/>
  </body>
</html>
```



ĐỊNH DẠNG VĂN BẢN TRƯỚC VÀ ĐƠN 1-2

Font chữ đơn cho phép cùng một khoảng cách chiều ngang giữa các phím để phân biệt kích thước font chữ, hình dạng, và loại.

Font chữ đơn được sử dụng cho đoạn mã lập trình, văn bản hướng dẫn, và các ký tự ASCII.

Thẻ <pre> được sử dụng cho nội dung văn bản định dạng trước.

Thẻ <pre> áp dụng một chiều rộng cố định font chữ trong nội dung văn bản.

Thẻ <pre> cho phép bạn sao chép-dán nội dung cùng với các định dạng gốc.

ĐỊNH VĂN BẢN TRƯỚC VÀ ĐƠN 2-2

- Bảng sau liệt kê một số các thẻ được xác định trước và mô tả của chúng.

Thẻ	Mô tả
	Sử dụng cho văn bản nhấn mạnh (nghiêng)
<dfn>	Được sử dụng thuật ngữ định nghĩa
<code>	Được sử dụng cho các đoạn mã máy tính
<samp>	Sử dụng cho ví dụ mẫu từ một chương trình máy tính
<cite>	Được sử dụng để trích dẫn

ĐỊNH DẠNG MỘT KHỐI- BLOCKQUOTE

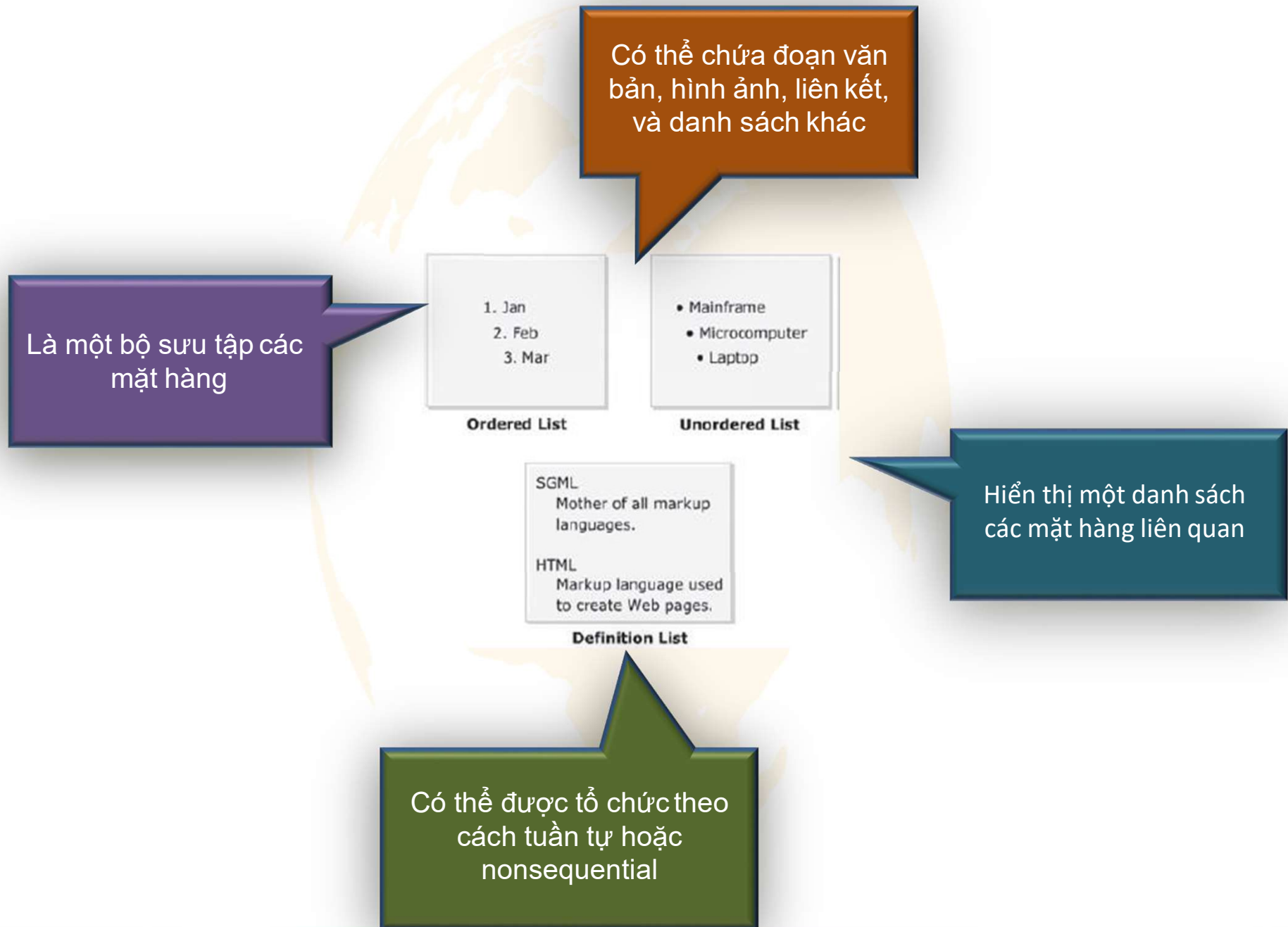
- Để xác định một báo giá dài hoặc khối báo giá, thẻ <blockquote> được sử dụng.
- Thẻ <blockquote> tạo một đoạn được thụt vào trên trình duyệt.
- Xem đoạn mã sau về thẻ <blockquote>.

<blockquote>

“When one door closes, another opens; but we often look so long and so regretfully upon the closed door that we do not see the one which has opened for us.” -Alexander Graham Bell

</blockquote>

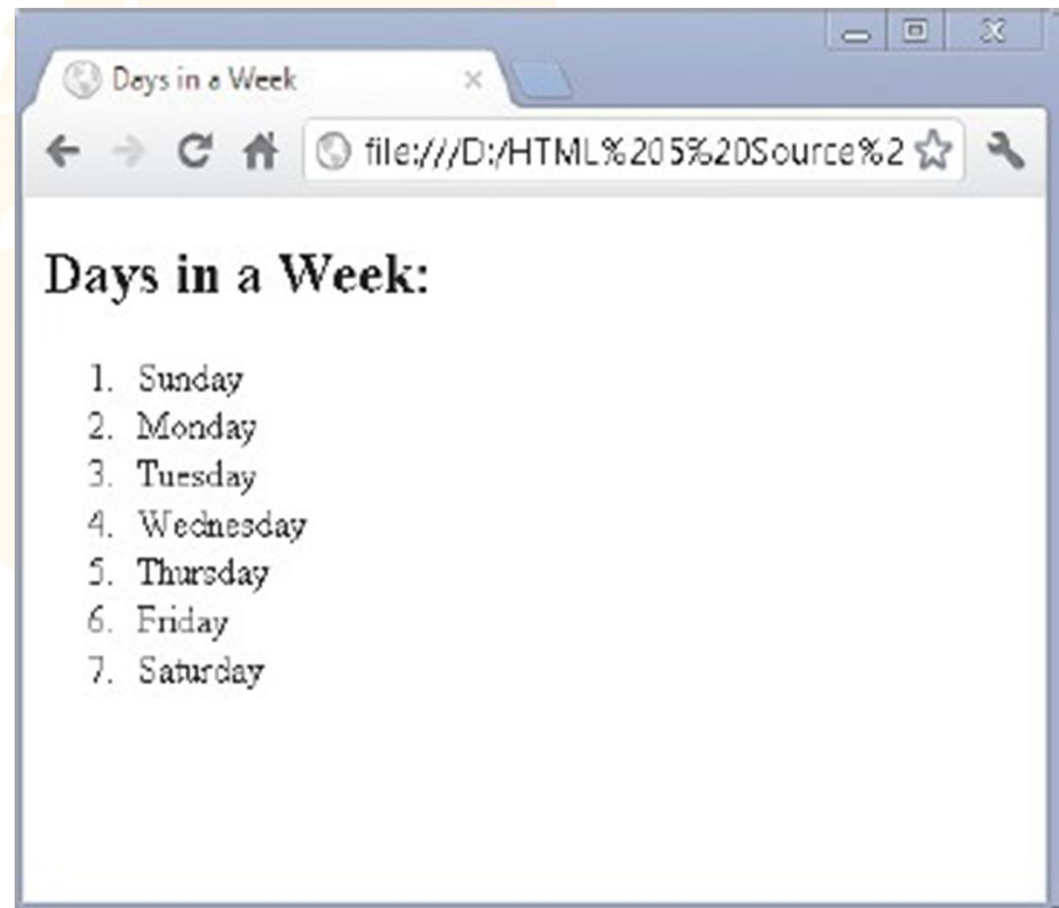
DANH SÁCH



DANH SÁCH CÓ THỨ TỰ 1-2

- Danh sách sẽ được hiển thị bằng cách sử dụng một ký hiệu chữ cái hoặc numbered
- Hai phần tử dùng để tạo danh sách là:
 - OL – Tạo một danh sách có thứ tự
 - LI – Là phần tử tạo ra các mục con trong OL

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
  <title>Days in a Week</title>
</head>
<body>
  <h2>Days in a Week:</h2>
  <ol>
    <li>Sunday</li>
    <li>Monday</li>
    <li>Tuesday</li>
    <li>Wednesday</li>
    <li>Thursday</li>
    <li>Friday</li>
    <li>Saturday</li>
  </ol>
</body>
</html>
```



DANH SÁCH CÓ THỨ TỰ 2-2

- Bảng sau liệt kê một số các kiểu khác nhau đánh số và mô tả của họ.

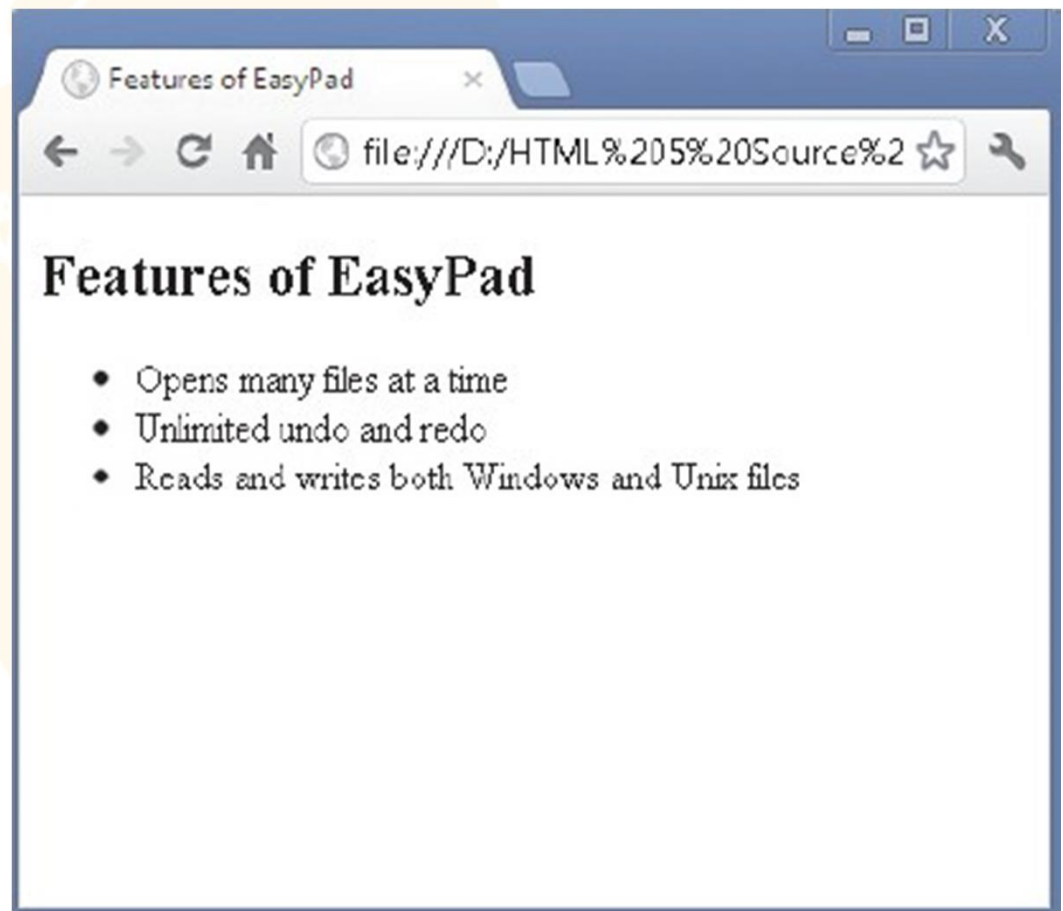
Giá trị thuộc tính	Ví dụ
decimal	1, 2, 3...
lower-alpha	a, b, c...
upper-alpha	A, B, C...
lower-roman	i, ii, iii...
upper-roman	I, II, III...

- list-style-type là thuộc tính được sử dụng để xác định một kiểu số cho danh sách có thứ tự.
- Nó là thuộc tính của các thuộc tính style , được chỉ định với các thẻ.

DANH SÁCH KHÔNG CÓ THỨ TỰ 1-3

- Các mục được sắp xếp không có thứ tự.
- Hai phần tử được sử dụng để tạo ra một danh sách không có thứ tự như sau:
 - UL – Tạo một danh sách không có thứ tự.
 - LI – Tạo ra mục con bên trong phần tử UL.
- Xem đoạn mã sau:

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
  <title>Features of EasyPad</title>
</head>
<body>
  <h2>Features of EasyPad</h2>
  <ul>
    <li>Opens many files at a time</li>
    <li>Unlimited undo and redo</li>
    <li>Reads and writes both
      Windows and Unix
      files</li>
  </ul>
</body>
</html>
```



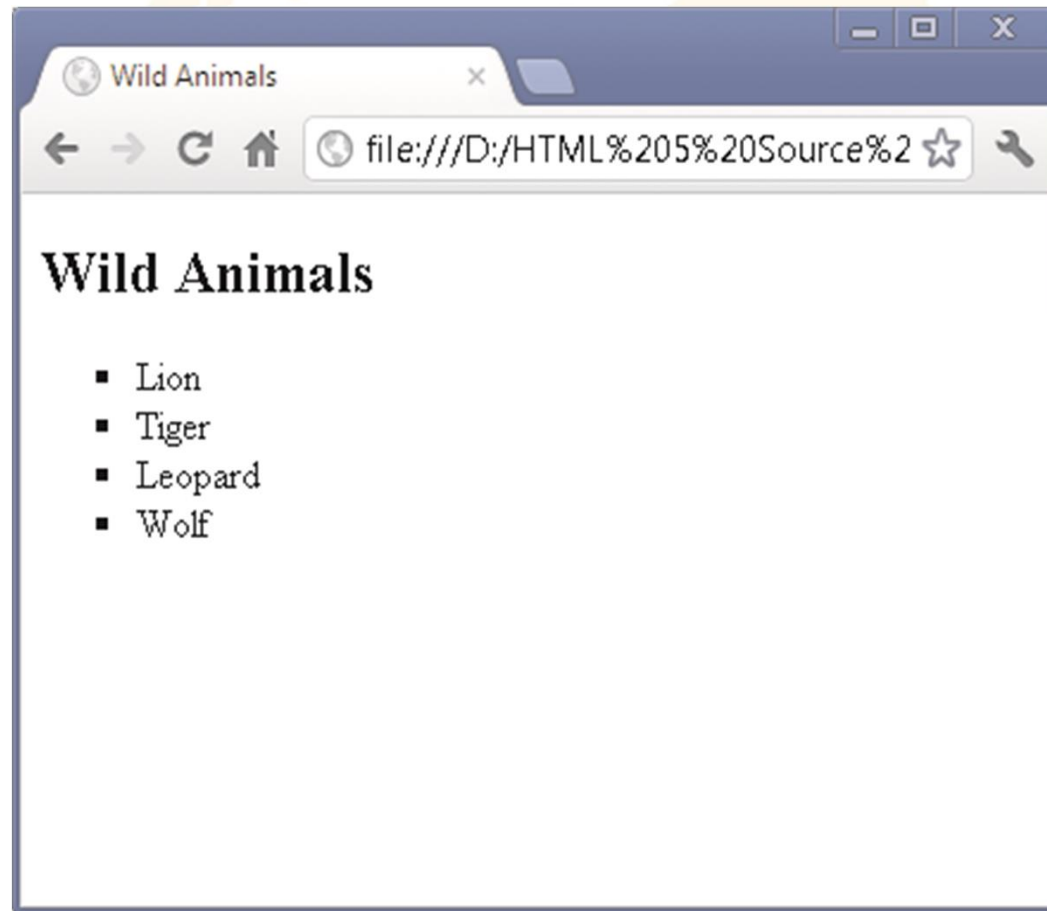
DANH SÁCH KHÔNG CÓ THỨ TỰ 2-3

- Thuộc tính list-style-type quy định các loại ký hiệu đầu dòng được áp dụng cho một danh sách không có thứ tự.
- Có 3 loại như sau:
 - Disc
 - Square
 - circle
- Giá trị mặc định là disc, nếu thuộc tính list-style-type không chỉ ra
- Xem đoạn mã sau.

```
<!DOCTYPE html>
<html>
<head>
<title>Wild Animals</title>
</head>
<body>
<h2>Wild Animals</h2>
<ul style="list-style-type:square">
<li>Lion</li>
<li>Tiger</li>
<li>Leopard</li>
<li>Wolf</li>
</ul>
</body>
</html>
```

DANH SÁCH KHÔNG CÓ THỨ TỰ 3-3

- Thuộc tính list-style-type là square.
- Ví dụ



DANH SÁCH TỰ ĐỊNH NGHĨA 1-3

- Đề cập đến một tập hợp các thuật ngữ phù hợp với mô tả của chúng.
- Chứa các thuật ngữ cùng với mô tả của chúng.
- Xuất hiện thụt vào bên trái theo sau bởi mô tả bên phải hoặc trên dòng tiếp theo
- Các phần tử bao gồm:

DL – Là một phần tử container bao gồm các DT và phần tử DD phụ. Xác định rằng danh sách định nghĩa sẽ được tạo ra bằng cách sử dụng các phần tử.

DT – Quy định cụ thể thuật ngữ được định nghĩa hoặc mô tả.

DT – Quy định cụ thể định nghĩa hoặc mô tả các thuật ngữ.

DANH SÁCH TỰ ĐỊNH NGHĨA 2-3

- Các bước tạo danh sách tự định nghĩa:

1. Xác định các phần tử DL để cho biết rằng bạn muốn tạo ra một danh sách định nghĩa.

2. Sử dụng các phần tử DT để xác định thuật ngữ như Danh từ chung.

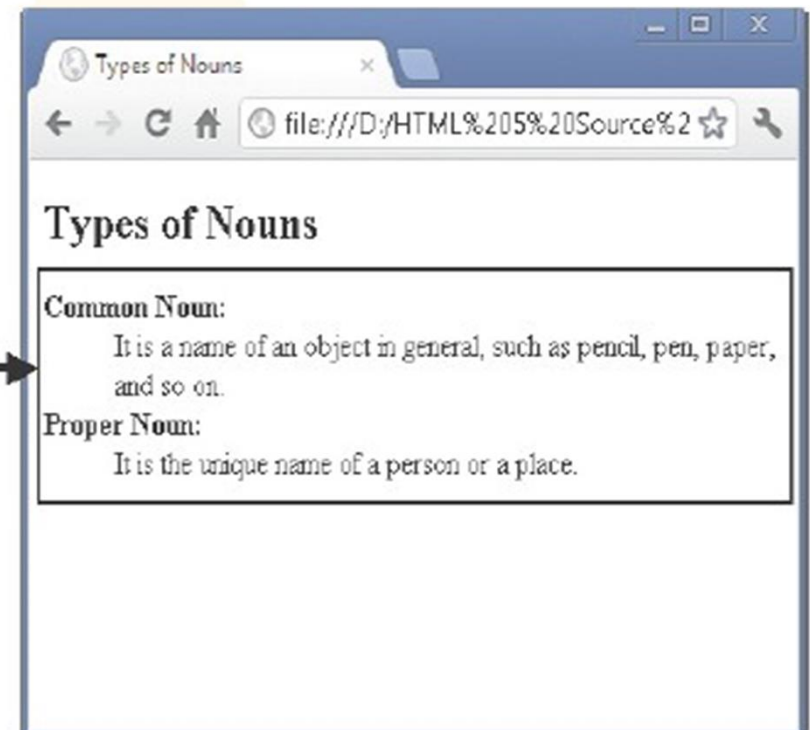
3. Sử dụng các phần tử DD để xác định mô tả của thuật ngữ này.

DANH SÁCH TỰ ĐỊNH NGHĨA 3-3

- Ví dụ.

```
<!DOCTYPE html>
<html>
  <head>
    <title>Types of Nouns</title>
  </head>
  <body>
    <h2>Types of Nouns</h2>
    <dl>
      <dt><b>Common Noun:</b></dt>
      <dd>It is a name of an object in
ge pencil, pen, paper, and so
on.</dd>
      <dt><b>Proper Noun:</b></dt>
      <dd>It is the unique name of a p
      </dd>
    </dl>
  </body>
</html>
```

Definition List



MÀU NỀN VÀ MÀU CHỮ 1-2

Thuộc tính nền xác định màu nền và hình ảnh cho các trang Web.

Thuộc tính nền là một thuộc tính viết tắt mà xác định tất cả các thuộc tính nền chỉ trong một khai báo.

bgcolor thuộc tính xác định màu nền của một tài liệu.

- Cú pháp:

```
<body bgcolor="color_name|hex_number|rgb_number">
```

Trong đó,

color_name – xác định tên màu nền(ví dụ “red”)

hex_number – xác định mã màu (ví dụ “#ff0000”)

rgb_number - xác màu qua hàm rgb(ví dụ “rgb(255,0,0)”)

MÀU NỀN VÀ MÀU CHỮ 2-2

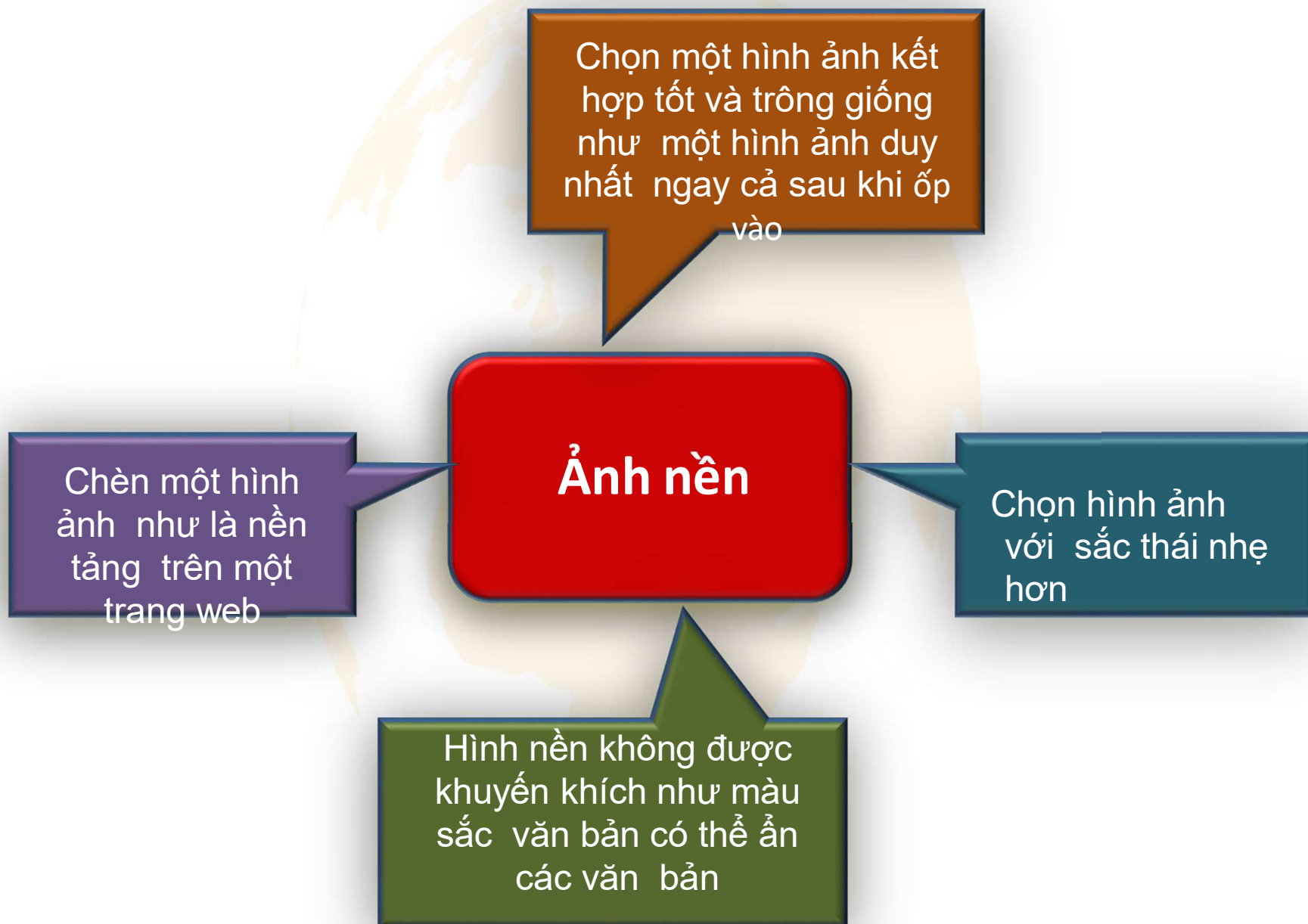
Một cách khác để xác định màu nền cho một trang web là sử dụng thuộc tính `style="background-color: color"`.

Thuộc tính này phải được thêm vào các thuộc tính phong cách của thẻ `body`.

Màu nền trước có thể được xác định bằng cách sử dụng thuộc tính `style = "color: color"`.

- Ví dụ:

```
<body style="background-color: navy; color: yellow">
```



TỔNG KẾT

- Các phần tử tiêu đề xác định tiêu đề cho nội dung như văn bản và hình ảnh.
- Thẻ <hgroup> được sử dụng để tiêu đề và phụ đề nhóm của họ.
- Phong chữ đơn cách được sử dụng cho các kịch bản mã lập trình, văn bản hướng dẫn, và các ký tự ASCII.
- Thẻ <pre> được sử dụng để áp dụng nội dung văn bản định dạng trước đến một trang web.
- Để xác định một khối, thẻ <blockquote> có thể được sử dụng.
- Một danh sách là một bộ sưu tập các mặt hàng, mà có thể được tổ chức một cách tuần tự hoặc không tuần tự. HTML hỗ trợ ba loại danh sách cụ thể là, có thứ tự, không có thứ tự, và từ định nghĩa.
- HTML cung cấp đặc tính nền tảng đó xác định màu nền và hình ảnh cho các trang Web.

TRƯỜNG ĐÀO TẠO LẬP TRÌNH VIÊN VÀ QUẢN TRỊ MẠNG QUỐC TẾ BACHKHOA-APTECH

THANK FOR WATCH !

